

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả dự án Điều tra, đánh giá chất lượng đất,
tiềm năng đất đai lần đầu tỉnh Bạc Liêu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Thông tư số 35/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc điều tra, đánh giá đất đai;

Căn cứ Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai;

Căn cứ Thông tư số 20/2018/TT-BTNMT ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định chế độ báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc phê duyệt dự án Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu tỉnh Bạc Liêu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 10/TTr-STNMT ngày 13 tháng 01 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả dự án Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu tỉnh Bạc Liêu, với những nội dung chủ yếu sau:

I. VỀ NỘI DUNG

1. Thực trạng chất lượng đất

1.1. Tổng diện tích điều tra, đánh giá chất lượng đất (diện tích điều tra, đánh giá tiềm năng đất đai là toàn bộ diện tích tự nhiên đất nông nghiệp và đất chưa sử dụng, trừ diện tích đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp khác) trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu là 219.813 ha; trong đó:

- Chất lượng cao có diện tích 138.982 ha, chiếm 52,09% diện tích tự nhiên.
- Chất lượng trung bình có diện tích 80.831 ha, chiếm 30,30% diện tích tự nhiên.

1.2. Chất lượng đất theo mục đích sử dụng:

- Đất trồng lúa có 62.930 ha chất lượng đất cao; 18.930 ha chất lượng đất trung bình.
- Đất rừng phòng hộ có 3.665 ha chất lượng đất cao.
- Đất rừng đặc dụng có 126 ha chất lượng đất cao.



- Đất nuôi trồng thủy sản có 60.364 ha chất lượng đất cao; 56.449 ha chất lượng đất trung bình.

- Đất làm muối có 1.537 ha chất lượng đất trung bình.

- Đất chưa sử dụng có 15.810 ha chất lượng đất cao.

2. Thực trạng tiềm năng đất đai

2.1. Tổng diện tích điều tra, đánh giá tiềm năng đất đai (*diện tích điều tra, đánh giá tiềm năng đất đai là toàn bộ diện tích tự nhiên, trừ diện tích đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp khác, đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối, đất mặt nước chuyên dùng; đất an ninh, đất quốc phòng, đất phi nông nghiệp khác*) của tỉnh Bạc Liêu là 241.630 ha, trong đó:

- Tiềm năng cao có diện tích 164.993 ha, chiếm 61,84% diện tích tự nhiên;

- Tiềm năng trung bình có diện tích 74.470 ha, chiếm 27,91% diện tích tự nhiên;

- Tiềm năng thấp có diện tích 2.167 ha, chiếm 0,81% diện tích tự nhiên.

2.2. Tiềm năng đất đai theo các mục đích sử dụng đất:

- Đất trồng lúa có 1.846 ha có tiềm năng thấp; 11.145 ha có tiềm năng trung bình và 68.871 ha có tiềm năng cao.

- Đất rừng phòng hộ có 861 ha tiềm năng trung bình và 2.804 ha tiềm năng cao.

- Đất rừng đặc dụng có 126 ha tiềm năng cao.

- Đất nuôi trồng thủy sản có 28.282 ha tiềm năng trung bình và 88.531 ha tiềm năng cao;

- Đất làm muối có 321 ha tiềm năng thấp và 1.216 ha tiềm năng trung bình.

- Đất các công trình xây dựng có 5.921 ha tiềm năng trung bình và 546 ha tiềm năng cao.

- Đất khu, cụm công nghiệp có 51 ha tiềm năng cao.

- Đất công trình năng lượng có 4.064 ha tiềm năng cao.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: Toàn bộ 32 ha được đánh giá tiềm năng mức trung bình.

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: Toàn bộ 292 ha được đánh giá tiềm năng mức trung bình.

- Đất phi nông nghiệp còn lại: Toàn bộ 10.911 ha được đánh giá tiềm năng mức trung bình.

- Đất chưa sử dụng có 15.810 ha tiềm năng trung bình.

II. VỀ CÁC SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN

1. Báo cáo tổng hợp điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu tỉnh Bạc Liêu.

2. Bản đồ:

- Bản đồ chất lượng đất tỉnh Bạc Liêu, tỷ lệ 1/50.000.

- Bản đồ tiềm năng đất đai tỉnh Bạc Liêu, tỷ lệ 1/50.000.

- Bản đồ định hướng sử dụng đất bền vững tỉnh Bạc Liêu, tỷ lệ 1/50.000.

3. Sản phẩm trung gian của dự án: Gồm các lớp thông tin chuyên đề (*trung gian*) được lập trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện theo tỷ lệ của bản đồ kết quả điều tra (*dạng số*).

4. Địa CD lưu trữ các sản phẩm giao nộp dạng số.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Ký duyệt các sản phẩm trung gian của dự án.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công bố công khai kết quả dự án Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu tỉnh Bạc Liêu trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Bạc Liêu chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày phê duyệt.

c) Thực hiện báo cáo số liệu điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai về Bộ Tài nguyên và Môi trường; cung cấp thông tin về số liệu điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai phục vụ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả các sản phẩm của dự án và thực hiện các nội dung có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Các Sở, Ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và căn cứ kết quả số liệu điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai có biện pháp, phương án quản lý, khai thác, sử dụng đất đúng quy định, đảm bảo hiệu quả, hợp lý, bền vững.

Điều 3. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh đối với dự án Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu tỉnh Bạc Liêu.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: ✓

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh;
- TT CB-TH (*đăng Cổng TTĐT tỉnh*);
- Lưu: VT, CH, MT (QĐ 03) ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Xuân Thu Vân